

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TAM NÔNG
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2023/HS-ST
Ngày 25-5-2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM NÔNG, TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hứa Quang Thông

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Chí Khanh
- Bà Tô Thị Bảo Ánh

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Nhân, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Lê Kim Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 15/2023/TLST-HS ngày 28 tháng 4 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2023/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 5 năm 2023 đối với:

- Bị cáo Nguyễn Văn L, sinh ngày 01/7/1998; tên gọi khác: Bành Búa; nơi sinh: tỉnh Đồng Tháp; nơi cư trú: khóm E, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: Không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Đạo T; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Hoàng D, sinh năm 1972 và bà Nguyễn Thị Lệ T, sinh năm 1972; tiền án: Không. tiền sự: Không; tạm giữ: Ngày 19/4/2023; tạm giam: Ngày 22/4/2023.

Bị cáo hiện đang tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện T và có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Lê Ngọc T1, sinh năm 1988, có đơn xin vắng mặt.

Địa chỉ: Số F đường T, khu phố D, phường T, quận G, thành phố Hồ Chí Minh.

Chỗ ở hiện nay: khóm A, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Nguyễn Hoàng D, sinh năm 1972, *vắng mặt*.

Địa chỉ: khóm E, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

2. Lê Văn Đ, sinh năm 1989, *vắng mặt*.

Địa chỉ: khóm A, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp

- *Người làm chứng:*

1. Lê Thị Thu N, sinh năm 1961, *vắng mặt*.

2. Nguyễn Hoàng N1, sinh năm 2001, *vắng mặt*.

3. Nguyễn Tuấn E, sinh năm 1964, *vắng mặt*.

Địa chỉ: khóm A, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trước đây bà Lê Thị Thu N cho Nguyễn Văn L (cháu bà con) ở nhờ trong nhà thuộc khóm A, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp. Vào khoảng 09 giờ 30, ngày 20 tháng 11 năm 2019 phát hiện nhà của ông Nguyễn Tuấn E (cặp vách nhà bà N) khóa cửa trước nên Nguyễn Văn L nảy sinh ý định lấy trộm tài sản. Lành đi qua sân nhà của ông T2 Em leo lên cầu thang, mở nắp sàn ở giữa nhà đột nhập vào bên trong đến phòng ngủ thứ nhất hướng từ trước ra sau, lấy 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA 3, màu trắng trên bàn bỏ vào trong túi quần, tiếp tục đi qua phòng ngủ thứ hai lấy 01 điện thoại nhãn hiệu OPPO A39, màu trắng-vàng trên bàn bỏ túi quần và lấy ví da màu tím trên bàn kiểm tra, phát hiện có nhiều tiền nên L lấy nhiều tờ tiền mệnh giá từ 50.000 đồng đến 500.000 đồng bỏ vào trong túi quần, để ví lại vị trí cũ rồi tẩu thoát theo đường đã đột nhập về nhà bà N. L lấy ra kiểm đếm được 2.800.000 đồng tiền Việt Nam, lấy sim trong điện thoại di động NOKIA 3 ra ném bỏ, điện thoại còn lại không gắn sim, L sử dụng 02 điện thoại nêu trên để truy cập mạng và tiêu xài hết cá nhân hết số tiền 2.800.000 đồng.

Đến ngày 28/11/2019, L thỏa thuận bán điện thoại OPPO A39 cho Lê Văn Đ với giá 1.500.000 đồng nhưng chỉ lấy trước 500.000 đồng, số tiền còn lại Đ trả sau. Riêng điện thoại NOKIA 3 Lành cất giấu trong ba lô ở nhà bà N. Tất cả tài sản bị lấy trộm nêu trên là của anh Lê Ngọc T1 (con rể ông Tuấn E). Đến ngày 06/12/2019, Nguyễn Hoàng N1 (em vợ T1) truy cập vào tài khoản điện thoại nhan06291@gmail.com hiện hình đại diện bị thay đổi thành hình của L nên nghi ngờ và đến Cơ quan Công an huyện T trình báo vụ việc.

Tang vật thu giữ gồm: 01 điện thoại di động, hiệu NOKIA 3, màu trắng, số IMEI: 35339209324383455; 01 điện thoại di động hiệu OPPO, loại A39, mặt trước màu trắng, mặt sau màu hồng, số IMEI: 862049036206054.

Căn cứ Bản kết luận định giá số: 37/BKLĐG, ngày 10 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng định giá thường xuyên tài sản trong tổ tụng huyện T, kết luận: 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA, loại NOKIA 3, màu trắng, số IMEI: 35339209324383455, giá trị định giá là 1.700.000 đồng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, loại A39, màu trắng-vàng, số IMEI: 862049036206054, giá trị định giá là 1.400.000 đồng. Tổng trị giá của 02 điện thoại di động nêu trên là 3.100.000 đồng.

Quá trình truy tố L bỏ trốn khỏi địa phương, Viện kiểm sát tạm đình chỉ truy tố và yêu cầu Cơ quan điều tra truy nã Lành. Đến ngày 18/4/2023 Cơ quan điều tra bắt được L, Viện kiểm sát tiến hành phục hồi truy tố đối với L.

Tại Cáo trạng số: 16/CT-VKS-TN ngày 27 tháng 4 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Nông đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn L phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

- Kiểm sát viên phân tích các tình tiết cấu thành tội phạm và khẳng định cáo trạng đã truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội. Căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân bị cáo, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 38 của Bộ luật Hình sự, tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn L, phạm tội “Trộm cắp tài sản” mức án từ 06 tháng đến 09 tháng tù. Hình phạt bổ sung: Không áp dụng. Về trách nhiệm dân sự và vật chứng: Giữ nguyên theo Cáo trạng.

- Bị cáo Nguyễn Văn L khai: Thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội “Trộm cắp tài sản” như nội dung cáo trạng đã truy tố và luận tội của Kiểm sát viên. Bị cáo không tham gia tranh luận, bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục được quy định trong Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo không có khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra và phù hợp với các tài liệu chứng cứ sau: Biên bản khám nghiệm hiện trường, Sơ đồ hiện trường ngày 19/12/2019, Bản ảnh hiện trường của Công an huyện T; Biên bản thực nghiệm điều tra, Bản ảnh thực nghiệm điều tra ngày 20/12/2019 của Công an huyện T; Kết luận định giá tài sản số: 37/KL-ĐGTS, ngày 10/12/2019 của Hội đồng định giá thường xuyên tài sản trong tổ tụng hình sự huyện T, tỉnh Đồng Tháp; Lời khai bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, cùng toàn bộ chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa.

Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Vào khoảng 09 giờ 30 phút, ngày 20 tháng 11 năm 2019, bị cáo Nguyễn Văn L lén lút đột nhập vào nhà của ông Nguyễn Tuấn E lấy trộm 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA 3, màu trắng; 01 điện thoại di động hiệu OPPO A39, màu trắng-vàng theo kết luận định giá giá trị 02 điện thoại là 3.100.000đồng và tiền Việt Nam 2.800.000đồng, tổng giá trị chiếm đoạt là 5.900.000đồng tất cả tài sản là của anh Lê Ngọc T1.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội đã trực tiếp xâm phạm đến tài sản của người khác, gây mất ổn định an ninh trật tự ở địa phương, gây bất bình trong quần chúng nhân dân đã đủ yếu tố cấu thành tội: “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự mà Viện kiểm sát truy tố bị cáo hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, mức hình phạt theo điều luật quy định thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

[3] Hình phạt bổ sung: Xét thấy, bản thân bị cáo làm thuê thu nhập thấp nên không áp dụng.

[4] Quyền sở hữu tài sản hợp pháp của mỗi người được pháp luật thừa nhận và bảo vệ, bất kỳ ai xâm phạm đến tài sản của người khác trái pháp luật sẽ bị trừng trị. Tình hình tội phạm về trộm cắp tài sản và hậu quả gây mất an ninh trật tự xã hội hiện nay, gây phản nộ trong quần chúng nhân dân. Bản thân bị cáo có đủ năng lực hành vi nhận thức được điều này nhưng vì lười lao động muốn có tiền tiêu xài mà bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội nhằm phục vụ cho lợi ích cá nhân. Qua đó, thấy được ý thức xem thường pháp luật của bị cáo nên cần thiết phải áp dụng hình phạt tương xứng với nhân thân, tính chất và mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và cần phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định mới đủ điều kiện cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt, có ích cho xã hội nhằm giáo dục riêng và phòng ngừa chung. Ngoài ra, quá trình điều tra, truy tố cho tại ngoại, bị cáo đã bỏ trốn khỏi địa phương gây khó khăn cho quá trình truy tố đến ngày 18/4/2023 bị bắt truy nã nên cần xem xét mức hình phạt nghiêm khắc khi lượng hình do bị cáo chấp hành pháp luật chưa tốt.

Tuy nhiên, tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo tác động gia đình bồi thường thiệt hại xong;

phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị hại có đơn bãi nại và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên được xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt theo quy định tại điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình Sự. Tình tiết tăng nặng: Không.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình điều tra, ông Nguyễn Hoàng D cha ruột của bị cáo L đã bồi thường cho bị hại T1 số tiền Việt Nam bị mất trộm là 2.800.000 đồng đã nhận xong. Ngoài ra, Lê Văn Đ yêu cầu bị cáo L bồi thường số tiền 500.000 đồng mà Đ trả trước cho bị cáo L để mua điện thoại di động OPPO, A39, ngày 20 tháng 12 năm 2019 ông D đã bồi thường cho Đ xong và không có yêu cầu gì khác nên không xem xét.

[7] Đối với ông Nguyễn Hoàng D cha ruột bị cáo L đã bồi thường số tiền 2.800.000 đồng cho bị hại T1 và số tiền 500.000 đồng cho Đ. Quá trình điều tra, ông D không yêu cầu bị cáo trả lại số tiền trên nên không xem xét.

[8] Về vật chứng của vụ án: Đối với 01 điện thoại di động, hiệu NOKIA 3, màu trắng, số IMEI: 35339209324383455; 01 điện thoại di động hiệu OPPO, loại A39, mặt trước màu trắng, mặt sau màu hồng, số IMEI: 862049036206054, tất cả tài sản trên là của anh Nguyễn Ngọc T3. Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã trao trả cho anh T3 nhận lại xong, không có yêu cầu gì khác nên không xem xét.

[9] Đối với Lê Văn Đ mua điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, loại A39 của bị cáo L với giá 1.500.000 đồng. Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã thu hồi điện thoại và Đ không biết điện thoại trên do bị cáo L trộm cắp mà có nên không có căn cứ xem xét về hành vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có.

[10] Đối với Lê Thị Thu N phát hiện điện thoại di động hiệu NOKIA 3 cất giấu trong ba lô của bị cáo L để ở nhà bà N. Quá trình điều tra, bà N tự nguyện đến Cơ quan Cảnh sát điều tra giao nộp điện thoại trên và bà N không biết bị cáo L trộm tài sản trên nên không xem xét trách nhiệm.

[11] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn L phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn L 08 (tám) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ là ngày 19 tháng 4 năm 2023.

2. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Bị cáo Nguyễn Văn L phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

3. Bị cáo có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện T;
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Cơ quan CSĐT Công an huyện T;
- Cơ quan THAHS Công an huyện T;
- Nhà tạm giữ Công an huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(ĐÃ KÝ)

Hứa Quang Thông